

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO
VẬN TÂN CẢNG
TAN CANG WAREHOUSING
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 190/BC-TCW
No: 190/BC-TCW

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, January 29, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE FOR 2025**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *The State Securities Commission;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Name of company: TAN CANG WAREHOUSING JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address of headoffice: Tan Cang – Cat Lai Terminal, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại: 028.37423929 Fax: Email: info.tcw@saigonnewport.com.vn
- Telephone: +8428.37423929 Fax: Email: info.tcw@saigonnewport.com.vn
- Vốn điều lệ: 199.910.200.000 đồng.
Charter capital: VND 199.910.200.000.

**CÔNG TY CỔ
PHẦN KHO VẬN
TÂN CẢNG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
DN: C=VN, L="Cảng Tân cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành Phố
Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh",
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0309632497, O=CÔNG TY
CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG, E=vanntt@saigonnewport.com.vn,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Reason: I am the author of this document
Location: KHKD12345
Date: 2026-02-03 16:00:36
Foxit Reader Version: 9.6.0

- Mã chứng khoán: TCW.
Stock Code: TCW.
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.
Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.
The implementation of internal audit: Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ 01/2025/NQ-DHDCD	29/5/2025	- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. <i>Approval of the Board of Directors' activity report for 2024, the business results for 2024 and the business plans for 2025.</i> - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024. <i>Approval of the Board of Supervisors's report for 2024.</i> - Thông qua báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			<i>Approval of the audited separate and consolidated financial statements for 2024, audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited - Hanoi Branch.</i> - Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025. <i>Approval of the profit distribution proposal for 2024 and the profit distribution plan for 2025.</i> - Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch chi trả thù lao năm 2025. <i>Approval of the remuneration payment proposal for the Board of Directors and the Board of Supervisors for 2024, and the remuneration payment plan for 2025.</i> - Thông qua việc chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2024 và kế hoạch 2025. <i>Approval of the salary, remuneration and bonus fund for implementation for 2024 and the plan for 2025.</i> - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty. <i>Approval of the amendment of the Company Charter.</i> - Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. <i>Approval of the amendments to the Internal Regulation on Corporate Governance and the Regulation on the Operation of the Board of Directors.</i>

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2025 – 2029). <i>Approval of the dismissal of members of the Board of Directors and Board of Supervisors for Term III (2020–2024) and the election of members of the Board of Directors and Board of Supervisors for Term IV (2025–2029).</i> - Thông quan việc chấp thuận ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ). <i>Approval of the proposal to approve the signing of contracts and transactions between the company and Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation (parent company).</i> - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025. <i>Approval of the proposal to select the auditing firm for 2025.</i>

II. Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors'</i> <i>members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Ngô Văn Ngự <i>Mr. Ngo Van Ngu</i>	Chủ tịch <i>Chairman</i>	29/5/2020	29/5/2025
			29/5/2025 (bổ nhiệm lại) <i>(reappointment)</i>	-
2	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>	25/4/2024	29/5/2025
			29/5/2025 (bổ nhiệm lại) <i>(reappointment)</i>	-
3	Ông Trần Quang Thảo <i>Mr. Tran Quang Thao</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	09/8/2024	29/5/2025
			29/5/2025 (bổ nhiệm lại) <i>(reappointment)</i>	-
4	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Member of the BOD/Deputy Director</i>	26/4/2018	29/5/2025
			29/5/2025 (bổ nhiệm lại) <i>(reappointment)</i>	-
5	Ông Trịnh Văn Mọi <i>Mr. Trinh Van Moi</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	24/4/2015	29/5/2025
			29/5/2025 (bổ nhiệm lại) <i>(reappointment)</i>	-

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Ngô Văn Ngự <i>Mr. Ngo Van Ngu</i>	9/9	100%	-
2	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	9/9	100%	-
3	Ông Trần Quang Thảo <i>Mr. Tran Quang Thao</i>	9/9	100%	-
4	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	9/9	100%	-
5	Ông Trịnh Văn Mọi <i>Mr. Trinh Van Moi</i>	9/9	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp, đã chỉ đạo kịp thời, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất của Công ty để đề ra các Nghị quyết sát đúng, hiệu quả.

In 2025, the Board of Directors held 09 meetings to promptly direct and supervise the Company's business activities, ensuring effectiveness and compliance with current legal regulations. The Board of Directors closely followed the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the actual production situation of the Company to issue accurate and effective Resolutions.

Hàng quý, Hội đồng quản trị đã nghe Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các chủ trương định hướng đồng thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Ban điều hành. Các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và lợi ích của cổ đông.

Quarterly, The Board of Directors listened to the Executive Board's reports on the company's business operations and investment activities, promptly providing policy directions and resolving arising issues within their authority, creating the most favorable conditions for the Executive Board's operations. All targets were met as planned, ensuring stable income for employees and the benefits of shareholders.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc/ *Activities of the Board of Directors subcommittees (If any): The Board of Directors has not yet established any subordinate committees.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị / *Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	32/NQ-HĐQT 32/NQ-HĐQT	31/3/2025	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 4/2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 1/2025. <i>Approval of the Report of business results for the Q4/2024 and the business plan for the Q1/2025.</i> - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Approval of the plan to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.</i> - Một số nội dung khác. <i>Other contents.</i>	100%
2	33/NQ-HĐQT 33/NQ-HĐQT	08/5/2025	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1/2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 2/2025. <i>Approval of the Report of business results for the Q1/2025 and the business plan for the Q2/2025.</i> - Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Approval of documents submitted to the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.</i> - Một số nội dung khác. <i>Other contents.</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
3	01/NQ-HĐQT <i>01/NQ-HDQT</i>	29/5/2025	- Bầu ông Ngô Văn Ngự giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029). <i>Elect Mr. Ngo Van Ngu to hold the position of Chairman of the Board of Directors for the term IV (2025 - 2029).</i>	100%
4	02/NQ-HĐQT <i>02/NQ-HDQT</i>	09/6/2025	- Chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2024. <i>Finalize the list of shareholders to pay 2024 dividends.</i> - Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. <i>Select an auditing unit to audit the Financial Statements in 2025.</i>	100%
5	03/NQ-HĐQT <i>03/NQ-HDQT</i>	01/8/2025	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2/2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3/2025. <i>Approval of the Report of business results for the Q2/2025 and the business plan for the Q3/2025.</i> - Một số nội dung khác. <i>Other contents.</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
6	04/NQ-HĐQT 04/NQ-HĐQT	24/9/2025	- Thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn tại Công ty CP Kho vận Tân Cảng năm 2024. <i>Approval of the evaluation and ranking of the quality of the representative of Saigon Newport Corporation in Tan Cang Warehousing Joint Stock Company in 2024.</i>	100%
7	05/NQ-HĐQT 05/NQ-HĐQT	26/9/2025	- Thông qua chủ trương điều chỉnh đơn giá thanh toán đối với dịch vụ xếp dỡ container. <i>Approval of the policy to adjust the payment unit price for container handling services.</i>	100%
8	06/NQ-HĐQT 06/NQ-HĐQT	06/10/2025	- Quyết định triển khai thực hiện đầu tư hạng mục Công trình Nhà sạc bình điện. <i>Decision to implement the investment in the Battery Charging Facility project.</i> - Phê duyệt Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình Nhà sạc bình điện. <i>Approval of the Economic and Technical Report for the Battery Charging Facility project.</i>	100%
9	07/NQ-HĐQT 07/NQ-HĐQT	27/11/2025	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4/2025. <i>Approval of the Report of business results for the Q3/2025 and the business plan for the Q4/2025.</i>	100%

III. Ban kiểm soát / *Board of Supervisors*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Nga</i>	Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm ngày 17/6/2021 <i>Appointment on 17/6/2021</i> Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Dismissal on 29/5/2025</i> Bổ nhiệm lại ngày 29/5/2025 <i>Reappointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân <i>Ms. Nguyen Thi Hong Van</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm ngày 25/4/2024 <i>Appointment on 25/4/2024</i> Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Dismissal on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>
3	Bà Nguyễn Thị Huyền <i>Ms. Nguyen Thi Huyen</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm 25/4/2024 <i>Appointment on 25/4/2024</i> Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Dismissal on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>
4	Bà Đỗ Phương Thảo <i>Ms. Do Phuong Thao</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm 29/5/2025 <i>Appointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
5	Bà Đặng Thùy Trang <i>Ms. Dang Thuy Trang</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm 29/5/2025 <i>Appointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát/ *Meetings of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Nga</i>	2/2	100%	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân <i>Ms. Nguyen Thi Hong Van</i>	0	-	-	Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Dismissal on 29/5/2025</i>
3	Bà Nguyễn Thị Huyền <i>Ms. Nguyen Thi Huyen</i>	0	-	-	Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Dismissal on 29/5/2025</i>

Stt No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
4	Bà Đỗ Phương Thảo <i>Ms. Do Phuong Thao</i>	2/2	100%	100%	-
5	Bà Đặng Thùy Trang <i>Ms. Dang Thuy Trang</i>	2/2	100%	100%	-

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Hội đồng quản trị đã quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

The Board of Directors has managed and directed all activities of the Company in accordance with the law, the Company's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders.

- Các biên bản họp, nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, thể hiện đúng định hướng chiến lược phát triển theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty.

The meeting minutes and resolutions issued by the Board of Directors have followed the proper procedures and authority, reflecting the strategic development direction in line with the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Company's Charter.

- Việc giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, đến nay, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện vai trò quản lý và điều hành Công ty theo kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Regarding the supervision of the Board of Directors and the Board of Management, the Board of Supervisors has observed that the Board of Directors and the Board of Management have fulfilled their roles in managing and operating the Company according to the plan for 2025 approved by the General Meeting of Shareholders.

* Đối với hoạt động của Ban Giám đốc:

Regarding the activities of the Board of Management:

- Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

The Board of Management has completed its management and operational duties in accordance with the Company's Charter, the resolutions of the General Meeting of Shareholders, and the resolutions of the Board of Directors.

- Ban Giám đốc thường xuyên tiến hành các cuộc họp nhằm rà soát việc thực hiện kế hoạch và có các biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị.

The Board of Management regularly holds meetings to review the implementation of the plan and make adjustments suitable to the actual production and business situation of the Company, regularly reporting on production and business activities and providing recommendations to the Board of Directors.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban Giám đốc triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ, đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

The resolutions of the Board of Directors have been promptly implemented by the Board of Management, ensuring progress and meeting the production and business requirements of the Company for the year.

- Các quy trình hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, giữ vững an ninh trật tự, các chế độ, quyền lợi của người lao động, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, nội quy lao động, thỏa ước tập thể,...

The Company's operating processes comply with legal regulations, ensuring safety in labor production, maintaining security and order, and protecting the rights and benefits of employees in accordance with labor laws, the Company's Charter, labor regulations, and collective agreements, etc.

- Không thấy có điều bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

No unusual issues have been observed in the operations of the Board of Directors and the Board of Management.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tạo điều kiện để hoàn thành công việc, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

During the execution of its duties, the Board of Supervisors has been provided with the necessary conditions by the Board of Directors and the Board of Management to complete its work, including access to information and documents for inspection and supervision.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

The Board of Supervisors has collaborated with the Board of Directors and the Board of Management to implement the Company's duties and business plan.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.

Other activities of the Board of Supervisors (if any): None.

IV. Ban điều hành / Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	1976	Thạc sỹ <i>Master's Degree</i>	Bổ nhiệm 22/4/2024 <i>Appointment on 22/4/2024</i>
2	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	1972	Kỹ sư <i>Engineer</i>	Bổ nhiệm 01/4/2018 <i>Appointment on 01/4/2018</i>
3	Ông Bùi Văn Bằng <i>Mr. Bui Van Bang</i>	1978	Thạc sỹ <i>Master's Degree</i>	Bổ nhiệm 21/5/2021 <i>Appointment on 21/5/2021</i>
4	Ông Nguyễn Văn Hào <i>Mr. Nguyen Van Hao</i>	1984	Kỹ sư <i>Engineer</i>	Bổ nhiệm 09/8/2024 <i>Appointment on 09/8/2024</i>

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên <i>Ms. Nguyen Thi Hong Lien</i>	1977	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>	Bổ nhiệm 04/9/2018 <i>Appointment on 04/9/2018</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong năm 2025, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty không tham gia khóa đào tạo nào.

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: In 2025, members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director, other managers and secretaries did not participate in any training courses.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty / The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty/ The list of affiliated persons of the Company:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
I	Hội đồng quản trị Board of Directors								
1	Ngô Văn Ngu Ngo Van Ngu	-	Chủ tịch HĐQT Chairman			29/05/2025	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (36% VDL) Chủ tịch HĐQT Representative of the capital contribution of SNP (36% of

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									charter capital) Chairman
2	Đỗ Thanh Trường <i>Do Thanh Truong</i>	-	Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>			22/4/2024	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (15% VĐL) Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Representative of the capital contribution of SNP (15% of charter capital) Member of the BOD/Director</i>
3	Trần Quang Thảo <i>Tran Quang Thao</i>		Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>			29/5/2025	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% VĐL) Thành viên HĐQT <i>Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital)</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									Member of the BOD
4	Đoàn Phi Doan Phi		Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Member of the BOD/Deputy Director</i>			26/4/2018	-	-	Đại diện phân vốn của TCT TCSG (4% VĐL) Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital) Member of the BOD/Deputy Director</i>
5	Trịnh Văn Mọi <i>Trinh Van Moi</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>			29/5/2025	-	-	-

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
8	Nguyễn Thị Hong Liên <i>Nguyen Thi Hong Lien</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			04/9/2018	-	-	-
IV	Ban kiểm soát <i>Board of Supervisors</i>								
9	Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Nguyen Thi Thuy Nga</i>	-	Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Board of Supervisors</i>			29/5/2025	-	-	-
10	Nguyễn Thị Hong Vân <i>Nguyen Thi Hong Van</i>	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>			25/4/2024	29/5/2025	-	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
11	Nguyễn Thị Huyền <i>Nguyen Thi Huyen</i>	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>			25/4/2024	29/5/2025	-	-
12	Đỗ Phương Thảo <i>Do Phuong Thao</i>	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>			29/5/2025	-	-	-
13	Đặng Thùy Trang <i>Dang Thuy Trang</i>	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>			29/5/2025	-	-	-
V	Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin <i>Corporate administrator/Authorized person for information disclosure</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
14	Lê Thị Thúy Hong <i>Le Thi Thuy Hong</i>	-	Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin <i>Corporate administrator/ Authorized person for information disclosure</i>			26/6/2017	-	-	-
VI	Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Organization or individual that holds more than 10% of voting shares</i>								
15	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	-	Công ty mẹ <i>Parent company</i>	0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	04/01/2010	-	-	Công ty mẹ/Cổ đông lớn sở hữu 59% vốn điều lệ và có 04 người đại diện theo ủy quyền đại diện phần vốn góp (ông Ngô Văn Ngự, ông Đỗ Thanh Trường, ông Đoàn Phi, ông Trần Quang Thảo)

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									<i>The parent company/ major shareholder owns 59% of the charter capital and has 04 authorized representatives for the capital contribution (Mr. Ngo Van Ngu, Mr. Do Thanh Truong, Mr. Doan Phi, Mr. Tran Quang Thao)</i>
VII	Công ty con <i>Subsidiary company</i>								
16	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	-	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM <i>1295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	13/7/2010	-	-	Công ty con. TCW sở hữu 57.5% vốn điều lệ. <i>The subsidiary. TCW owns 57,5% of the charter capital.</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
17	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lục <i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>	-	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	30/6/2011	-	-	Công ty con. TCW sở hữu 51% vốn điều lệ. <i>The subsidiary. TCW owns 51% of the charter capital.</i>
VIII Công ty liên kết <i>Associate company</i>									
18	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Express Newport Joint Stock Company</i>	-	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh 9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	02/4/2021	-	-	Công ty liên kết. TCW sở hữu 36% vốn điều lệ. <i>Associate company. TCW owns 36% of the charter capital.</i>
19	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng <i>Tan Cang Warehousing Depot Joint</i>	-	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh	14/6/2024	-	-	Công ty liên kết. TCW sở hữu 36% vốn điều lệ. <i>Associate company. TCW owns 36% of the charter capital.</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
	<i>Stock Company</i>								

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn <i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>	Cổ đông lớn chiếm 59% vốn điều lệ <i>Major shareholder owns 59% of the charter capital</i>	0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM <i>722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2025 01/2025/NQ-DHĐCĐ dated on 29/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 437.292.907.843 đồng. <i>Service provision: VND 437,292,907,843.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 63.377.633.213 đồng. <i>Service receipts: VND 63,377,633,213.</i> - Chi trả cổ tức: 27.133.215.000 đồng. <i>Dividend payments: VND 27,133,215,000.</i>	-
2	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010	1295 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP.HCM <i>1295 Nguyen Thi Dinh, Cat</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 8.941.862.215 đồng. <i>Service provision: VND 8,941,862,215</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			DPI Ho Chi Minh City	Lai Ward, Ho Chi Minh City			- Nhận cung cấp dịch vụ: 87.998.018.799 đồng. <i>Service receipts: VND 87,998,018,799.</i> - Nhận chi trả cổ tức: 3.680.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 3,680,000,000.</i>	
3	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City		33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 9.053.254.865 đồng. <i>Service provision: VND 9,053,254,865.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 2.236.654.581 đồng. <i>Service receipts: VND 2,236,654,581.</i> - Nhận chi trả cổ tức: 1.530.000.000 đồng.	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							Dividend payments received: VND 1,530,000,000.	
4	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Express Newport Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 462.638.972 đồng. <i>Service provision: VND 462,638,972.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 23.942.557.957 đồng. <i>Service receipts: VND 23,942,557,957.</i>	-
5	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng <i>Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Đình, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 3.755.311.904 đồng. <i>Service provision: VND 3,755,311,904.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 806.786.000 đồng. <i>Service receipt: VND 806,786,000.</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba <i>Muoi Lam Thang Ba Joint Stock Company</i>	Thành viên HĐQT là Giám đốc <i>The member of BOD is Director</i>	0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416 03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	24 Trần Nảo, KP2, P.Bình Trưng, TP.HCM <i>24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 16.187.256.500 đồng. <i>Service receipt: VND 16,187,256,500.</i>	-
7	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng <i>Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stcok Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0304875444 08/3/2007 Sở KHĐT TP.HCM 0304875444 08/3/2007 DPI Ho Chi Minh City	470 đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>470 Dong Van Cong Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 653.568.518 đồng. <i>Service provision: VND 653,568,518.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 3.218.893.188 đồng. <i>Service receipt: VND 3,218,893,188.</i>	-
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng hệ	0305736891 12/5/2008	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025	- Nhận cung cấp dịch vụ: 30.133.905.319 đồng.	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Tan Cang Technical Services Joint Stock Company</i>	thông (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	Sở KHĐT TP.HCM 0305736891 12/5/2008 DPI Ho Chi Minh City	Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City		33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	<i>Service receipt: VND 30,133,905,319.</i>	
9	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng <i>Tan Cang Overland Transport Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0305322467 19/11/2007 Sở KHĐT TP.HCM 0305322467 19/11/2007 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 1.712.383.984 đồng. <i>Service provision: VND 1,712,383,984.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 2.462.770.600 đồng. <i>Service receipt: VND 2,462,770,600.</i>	-
10	Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng hệ thống	3501472714 22/9/2009	Cảng Tân cảng - Cái Mép, Phường Tân	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025	- Nhận cung cấp dịch vụ: 125.382.000 đồng.	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company</i>	thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	Sở KHĐT TP.HCM 3501472714 22/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Phước, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Tan Cang - Cai Mep Port, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City</i>		33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	<i>Service receipt: VND 125,382,000.</i>	
11	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung <i>Tan Cang Mien Trung Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	4101433293 21/10/2014 Sở KHĐT Gia Lai 4101433293 21/10/2014 DPI Gia Lai Province	Khu vực 8, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai <i>Area 8, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Nhận cung cấp dịch vụ: 18.813.000 đồng. <i>Service receipt: VND 18,813,000.</i>	-
12	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng hệ thống	0309924984 06/4/2010	Lô A9 Khu A Khu công nghiệp Hiệp	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025	- Nhận cung cấp dịch vụ: 19.936.000 đồng.	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Tan Cang Hiep Phuoc Logistics Joint Stock Company</i>	thông (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	Sở KHĐT TP.HCM 0309924984 06/4/2010 <i>DPI Ho Chi Minh City</i>	Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Lot A9, Zone A, Hiep Phuoc Industrial Park, Hiep Phuoc Commune, Ho Chi Minh City</i>		33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	<i>Service receipt: VND 19,936,000.</i>	
13	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng <i>Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0310421671 01/11/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310421671 01/11/2010 <i>DPI Ho Chi Minh City</i>	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Nhận cung cấp dịch vụ: 27.869.409.069 đồng. <i>Service receipt: VND 27,869,409,069.</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
14	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép <i>Tan Cang – Cai Mep International Terminal Company Limited</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	3501473524 04/9/2009 Sở KHĐT TP.HCM 3501473524 04/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Tầng 7 tòa nhà Saigon Newport, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh <i>7th floor, Saigon Newport Building, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 7.303.650.000 đồng. <i>Service receipt: VND 7,303,650,000.</i>	-
15	Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC <i>Tan Cang – STC Human Resource Development Limited Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0311241960 16/9/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0311241960 16/9/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 2.777.548.195 đồng. <i>Service receipt: VND 2,777,548,195.</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
16	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu <i>Phu Huu – Newport Corporation</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0309444635 22/9/2009 Sở KHĐT TP.HCM 0309444635 22/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Đường Nguyễn Thị Tư, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh <i>Nguyen Thi Tu Street, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 182.743.769 đồng. <i>Service receipt: VND 182,743,769.</i>	-
17	Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng <i>Tan Cang Container Services Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0316135980 10/02/2020 Sở KHĐT TP.HCM 0316135980 10/02/2020 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 40.343.986 đồng. <i>Service receipt: VND 40,343,986.</i>	-

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không.

Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: None.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Transactions between the Company and other objects:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Transactions between the Company and the company that its members of the Board of Management, the Board of Supervisors, the Director have been founding members or members of the Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 1295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 8.941.862.215 đồng. <i>Service provision: VND 8,941,862,215</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 87.998.018.799 đồng. <i>Service receipts: VND 87,998,018,799.</i> - Nhận chi trả cổ tức: 3.680.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 3,680,000,000.</i>	Chủ tịch HĐQT TCW đang là thành viên HĐQT <i>The Chairman of TCW is currently a member of the BOD</i>
2	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM		33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 9.053.254.865 đồng. <i>Service provision: VND 9,053,254,865.</i>	Chủ tịch HĐQT TCW đang là thành viên HĐQT

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>		<i>30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City</i>	<i>938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>			- Nhận cung cấp dịch vụ: 2.236.654.581 đồng. <i>Service receipts: VND 2,236,654,581.</i> - Nhận chi trả cổ tức: 1.530.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 1,530,000,000.</i>	<i>The Chairman of TCW is currently a member of the BOD</i>
3	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Express Newport Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh 9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 33/NQ-HĐQT dated on 08/5/2025	- Cung cấp dịch vụ: 462.638.972 đồng. <i>Service provision: VND 462,638,972.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 23.942.557.957 đồng. <i>Service receipts: VND 23,942,557,957.</i>	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc TCW đang là thành viên HĐQT <i>The member of BOD of TCW is currently a</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
								<i>member of the BOD</i>
4	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng <i>Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Đình, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh</i>	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 3.755.311.904 đồng. <i>Service provision: VND 3,755,311,904.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 806.786.000 đồng. <i>Service receipt: VND 806,786,000.</i>	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc TCW đang là thành viên HĐQT <i>The member of BOD of TCW is currently a member of the BOD</i>
5	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba <i>Muoi Lam Thang Ba Joint</i>	Thành viên HĐQT là Giám đốc	0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416	24 Trần Nãi, KP2, P.Bình Trung, TP.HCM	2025	33/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 <i>33/NQ-HDQT dated on 08/5/2025</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 16.187.256.500 đồng. <i>Service receipt: VND 16,187,256,500.</i>	Thành viên HĐQT TCW đang là Giám đốc

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Stock Company</i>	<i>The member of BOD is Director</i>	<i>03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City</i>	<i>24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>				<i>The member of BOD of TCW is currently a member of the Director</i>

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không.

Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director and other managers as a member of Board of Directors, Director: None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không.

Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director and other managers: None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ
Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:
The list of internal persons and their affiliated persons:

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Ngô Văn Ngự Ngo Van Ngu		Chủ tịch HĐQT Chairman			0	0	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (36% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (36% of charter capital)
1.1	Ngô Thị Ngọc Yên Ngo Thi Ngoc Yen					1.909	0,010%	Em gái Younger sister
1.2	Nguyễn Thị Giang Nguyen Thi Giang					0	0	Vợ Wife

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Police Dept.				
1.3	Phạm Quốc Tuấn Pham Quoc Tuan					2.135	0,011%	Em rể Brother-in-law
1.4	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			Police Dept. 0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (36% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (36% of charter capital)
1.5	Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái Cat Lai Logistics Joint Stock Company			0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 91295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.6	Công ty CP Tân Cảng Hiệp Lực Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company			0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.
2	Đỗ Thanh Trường Do Thanh Truong		Thành viên HĐQT/ Giám đốc Member of the BOD/ Director			3.823	0,019%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (15% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (15% of charter capital)
2.1	Vũ Thị Phương Hoa Vu Thi Phuong Hoa					5.083	0,025%	Vợ Wife

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.2	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn <i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM <i>722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, HCMC</i>	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (15% vốn điều lệ) <i>Representative of the capital contribution (15% of charter capital)</i>
2.3	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Express Newport Joint Stock Company</i>			0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng <i>Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.4	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company			0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Đinh, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.
3	Trần Quang Thảo Tran Quang Thao		Thành viên HĐQT Member of the BOD			3.509	0,018%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital)
3.1	Trần Quang Trung Tran Quang Trung					0	0	Bố đẻ Father

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.2	Nguyễn Thị Hoa Nguyen Thi Hoa					0	0	Mẹ đẻ Mother
3.3	Lê Thị Kim Chi Le Thi Kim Chi					0	0	Vợ Wife
3.4	Trần Quang Hiếu Tran Quang Hieu					0	0	Anh trai Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.5	Trần Thế Nguyên Tran The Nguyen					0	0	Em trai Younger brother
3.6	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P. Thanh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (4% of charter capital))
3.7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng Tan Cang Offshore Joint Stock Company			0311638652 17/3/2012 Sở KHĐT TP.HCM 0311638652 17/3/2012 DPI Ho Chi Minh City	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh 52-54 Truong Van Bang Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Trần Quang Thảo giữ chức danh Thành viên HĐQT Mr. Tran Quang Thao holds the position of the member of BOD

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.8	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company			0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Đinh, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh	0	0	Ông Trần Quang Thảo giữ chức danh Thành viên HĐQT Mr. Tran Quang Thao holds the position of the member of BOD
4	Đoàn Phi Doan Phi		Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc Member of the BOD/ Deputy Director			2.490	0,012%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital)
4.1	Đoàn Phương Doan Phuong					3.588	0,018%	Anh trai Older brother
4.2	Đoàn Thúy Nga Doan Thuy Nga					0	0	Em gái Younger sister

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.3	Lê Thanh Thủy Le Thanh Thuy					0	0	Vợ Wife
4.4	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (4% of charter capital))
5	Trịnh Văn Mọi Trinh Van Moi		Thành viên HĐQT Member of the BOD			25.642	0,128%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.1	Trịnh Hải Nam Trinh Hoai Nam					2.089	0,010%	Con Child
5.2	Trịnh Thị Thanh Hải Trinh Thi Thanh Hai					0	0	Con Child
5.3	Nguyễn Năng Toàn Nguyen Nang Toan					16.989	0,085%	Con rể Son-in-law
5.4	Chu Thị Huệ Chu Thi Hue					0	0	Vợ Wife

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.5	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba Mười Lăm Tháng Ba Joint Stock Company			0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416 03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	24 Trần Nã, KP2, P.Bình Trung, TP.HCM 24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Trịnh Văn Mọi giữ chức danh Giám đốc Mr. Trinh Van Moi holds the position of Director
6	Bùi Văn Bằng Bui Van Bang		Phó Giám đốc Deputy Director			2.579	0,013%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6.1	Nguyễn Thị Như Mai Nguyen Thi Nhu Mai					0	0	Vợ Wife
6.2	Bùi Văn Thắng Bui Van Thang					0	0	Anh trai Older brother
6.3	Bùi Văn Thiệu Bui Van Thieu					0	0	Anh trai Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					1			
6.4	Bùi Thị Yến Bui Thi Yen					0	0	Em gái Younger sister
7	Nguyễn Văn Hào Nguyen Van Hao		Phó Giám đốc Deputy Director			0	0	-

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.1	Nguyễn Văn Hiên Nguyen Van Hien					0	0	Bố đẻ Father
7.2	Hoàng Thị Nga Hoang Thi Nga					0	0	Mẹ đẻ Mother
7.3	Nguyễn Thị Hoàn Nguyen Thi Hoan					0	0	Chị gái Older sister

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8	Nguyễn Thị Hong Liên <i>Nguyen Thi Hong Lien</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			5.654	0,028%	
8.1	Nguyễn Thị Kim Hoàn <i>Nguyen Thi Kim Hoan</i>					1.826	0,009%	Em gái <i>Younger sister</i>
8.2	Nguyễn Huy Bình <i>Nguyen Huy Binh</i>					4.587	0,023%	Chồng <i>Husband</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.3	Nguyễn Huy Lượng <i>Nguyen Huy Luong</i>					0	0	Anh trai <i>Older brother</i>
8.4	Nguyễn Huy Khuê <i>Nguyen Huy Khue</i>					0	0	Anh trai <i>Older brother</i>
8.5	Nguyễn Thị Tuyết Ánh <i>Nguyen Thi Tuyen Anh</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.6	Nguyễn Hồng Anh Nguyệt Nguyen Hong Anh Nguyet					0	0	Con gái Daughter
8.7	Nguyễn Hồng Anh Tuyết Nguyen Hong Anh Tuyet					0	0	Con gái Daughter
9	Nguyễn Thị Thúy Nga Nguyen Thi Thuy Nga		Trưởng Ban kiểm soát Head of the Board of Supervisors			4.448	0,022%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.1	Lô Vũ Hùng Lo Vu Hung					5.998	0,030%	Chồng Husband
10	Nguyễn Thị Huyền Nguyen Thi Huyen		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors			0	0	Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 Dismissal on 29/5/2025
10.1	Phạm Xuân Tùng Pham Xuan Tung					0	0	Chồng Husband

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.2	Nguyễn Cao Hoạt Nguyen Cao Hoat					0	0	Bố đẻ Father
10.3	Lại Thị Tình Lai Thi Tinh					0	0	Mẹ đẻ Mother
10.4	Phạm Văn Đạt Pham Van Dat					0	0	Bố chồng Father-in-law

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.5	Lê Thị Chinh Le Thi Chinh					0	0	Mẹ chồng Father-in-law
10.6	Nguyễn Thị Thu Hàng Nguyen Thi Thu Hang					0	0	Em gái Younger sister
10.7	Nguyễn Tiến Tài Nguyen Tien Tai					0	0	Em trai Younger bother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11	Nguyễn Thị Hong Vân Nguyen Thi Hong Van		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors	P o u n c e D e p t. [1 g, n g, n		0	0	Miễn nhiệm ngày 29/5/2025 Dismissal on 29/5/2025
11.1	Nguyễn Duy Hoài Nguyen Duy Hoai					0	0	Bố đẻ Father
11.2	Phan Thị Như Phan Thi Nhu					0	0	Mẹ đẻ Mother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.3	Nguyễn Thị Thùy Trang Nguyen Thi Thuy Trang					0	0	Chị gái Older sister
11.4	Nguyễn Duy Nhất Nguyen Duy Nhat					0	0	Em trai Younger bother
11.5	Nguyễn Duy Hiếu Nguyen Duy Hieu					0	0	Em trai Younger bother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.6	Nguyễn Ngọc Khoa Nguyen Ngoc Khoa					0	0	Anh rể Brother-in-law
12	Đỗ Phương Thảo Do Phuong Thao		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors			0	0	
12.1	Đỗ Văn Ngần Do Van Ngan					0	0	Bố đẻ Father

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.2	Nguyễn Mai Sinh Nguyen Mai Sinh					0	0	Mẹ đẻ Mother
12.3	Võ Hồng Vinh Vo Hong Vinh					0	0	Bố chồng Father-in-law
12.4	Hoàng Thị Thanh Hoang Thi Thanh					0	0	Mẹ chồng Father-in-law
12.5	Võ Hoàng Khánh Vo Hoang Khanh					0	0	Chồng Husband

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.6	Võ Hoàng Triết <i>Vo Hoang Triet</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
12.7	Võ Hoàng Nghiêm <i>Vo Hoang Ngoc</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
12.8	Đỗ Ngọc Thịnh <i>Do Ngoc Thinh</i>					0	0	Em trai <i>Younger Brother</i>
12.9	Võ Hoàng Việt <i>Vo Hoang Viet</i>					0	0	Anh trai chồng <i>Brother-in-law</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.10	Nguyễn Ngọc Khánh Vân <i>Nguyen Ngoc Khanh Van</i>					0	0	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
13	Đặng Thùy Trang <i>Dang Thuy Trang</i>		Thành viên BKS <i>Member of the Board of Supervisors</i>			0	0	
13.1	Phan Hoàng Giang <i>Phan Hoang Giang</i>					0	0	Chồng Husband

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13.2	Phan Đăng Hoàng Anh <i>Phan Dang Hoang Anh</i>					0	0	Con trai Son
13.3	Phan Minh Anh <i>Phan Minh Anh</i>					0	0	Con trai Son
13.4	Định Thị Kim Cúc <i>Dinh Thi Kim Cuc</i>					0	0	Mẹ đẻ Mother
13.5	Đặng Đức Dũng <i>Dang Duc Dung</i>					0	0	Bố đẻ Father

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
14	Lê Thị Thúy Hong Le Thi Thuy Hong		Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate administrator/Authorized person for information disclosure			0	0	
14.1	Lê Hữu Trường Le Huu Truong					11.337	0,057%	Bố đẻ Father

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
14.2	Lê Thị Phần Le Thi Phan					0	0	Mẹ đẻ Mother
14.3	Lê Ngọc Minh Khuê Le Ngoc Minh Khue					0	0	Con gái Daughter
14.4	Lê Ngọc Minh Châu Le Ngoc Minh Chau					0	0	Con gái Daughter

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không.
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: None.

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
-	-	-	-	-	-	-	-

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không.
Other significant issues: None.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;

As above;

- Lưu: KHKD, T01.

Archived: KHKD, T01.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Ngô Văn Ngự
Ngo Van Ngu